

Vị trí và tầm quan trọng của nghề nuôi cá nước ngọt trong ngành chăn nuôi miền Bắc Việt-nam

NGUYỄN CAO ĐÀM

Tại Hội nghị bàn về tổ chức lại sản xuất, cải tiến một bước quản lý nông nghiệp ở đồng bằng và trung du, họp đầu tháng 8 vừa qua tại Thái-bình, đồng chí Lê Duẩn đã chỉ rõ: «Tiến lên nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa có nghĩa là phải tạo ra sự cân đối mới giữa trồng trọt và chăn nuôi, biến chăn nuôi từ một nghề phụ ở nông thôn thành một ngành sản xuất chính, bao gồm nhiều loại gia súc, gia cầm và cá...» (1).

Luận điểm đó chỉ ra cho chúng ta ba điểm:

Thứ nhất, hiện nay chăn nuôi và trồng trọt ở ta rất mất cân đối. Sự mất cân đối đó thể hiện ở chỗ: «Về chăn nuôi, chúng ta mới chỉ biết coi trọng con lợn và làm cũng chưa tốt. Đối với các ngành chăn nuôi khác thì chưa thấy hết tầm quan trọng và khả năng to lớn để từng bước làm tốt hơn» (2).

«Các ngành chăn nuôi khác» mà «chúng ta chưa thấy hết tầm quan trọng và khả năng to lớn» đó, chúng tôi nghĩ, trong đó phải có ngành nuôi cá nước ngọt của miền Bắc nước ta.

Thứ hai, để đưa nền nông nghiệp của ta «đã hợp tác hóa nhưng còn mang nặng tính chất phường hội, phân tán, chưa chấp nhiều hiện tượng tiêu cực, tiến lên một nền nông nghiệp chuyên canh, thâm canh, phát triển toàn diện theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa» (3) thì trước hết, phải tạo ra trong nông nghiệp một thể cân đối mới giữa trồng trọt và chăn nuôi, mà phạm trù «chăn nuôi» ở đây, từ nay phải hiểu là gồm ba loại: gia súc, gia cầm, cá.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi cá nước ngọt phải trở thành một chỉnh thể thống nhất.

Gia súc, gia cầm và cá nước ngọt phải trở thành ba chân của một cái kiềng chăn nuôi. Rõ ràng từ nay khẩu hiệu mà Nghị quyết 19 của Ban chấp hành Trung ương Đảng nêu ra «sớm đưa chăn nuôi trở thành một ngành sản xuất chính» phải được hiểu là trong đó có ngành nuôi cá nước ngọt. Tổ chức lại sản xuất của ngành nuôi cá nước ngọt trước hết phải xuất phát từ luận điểm này.

Thứ ba, để tiến tới một thể «cân đối mới» giữa trồng trọt và chăn nuôi, thì trước tiên phải tạo được một thể cân đối mới ngay trong nội bộ ngành chăn nuôi. Đó là: nuôi gia súc, gia cầm để có phân nuôi cá, và nuôi cá để có thức ăn đậm bổ sung rất tốt cho gia súc, gia cầm. Từ đây mở ra một hướng mới cho ngành chăn nuôi của nước ta: «nuôi lợn kết hợp với nuôi cá», «nuôi vịt trên mặt nước nuôi cá», «nuôi lợn, nuôi vịt và nuôi cá» kết hợp với nhau trong một trại chăn nuôi tập thể. Hướng chăn nuôi tổng hợp này đã được thực hiện có kết quả ở trại cá Pháp-vân (Hà-nội), trại cá giống Thanh-thủy, nông trường An-khánh (Hà-tây)... và đã mang lại những hiệu quả kinh tế rõ rệt. Trại cá Thanh-thủy đạt giá trị ngày công nuôi lợn và nuôi cá tới gần 5

(1), (3) Lê Duẩn. Ra sức phấn đấu xây dựng nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa. Báo Nhân Dân ngày 2-10-1974.

(2) Phạm Văn Đồng. Về một số vấn đề lý luận và thực tiễn của quá trình đưa nền nông nghiệp miền Bắc nước ta tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Báo Nhân Dân ngày 11-10-1974.

đồng. Nông trường An-khánh, lãi về nuôi cá trên diện tích 7 ha là 10 000 đồng (1973), quốc doanh nuôi cá Hà-nội trong năm 1974 nộp lãi cho Nhà nước 340 000đ.

Trong thời gian tới, phải suy nghĩ để thực hiện cho được thể chăn, nuôi liên hoàn, phải tiến hành cho được một cơ cấu chăn nuôi tổng hợp, trên cơ sở sản phẩm của ngành này là tiền đề cho sự phát triển của ngành kia và ngược lại. Đó chính là một trong những con đường để đưa «chăn nuôi từ một nghề phụ ở nông thôn trở thành «một ngành sản xuất chính» (1). Đây cũng chính là con đường để ba ngành chủ yếu này trong chăn nuôi dựa vào nhau, thúc đẩy nhau, để từ đó mà đưa «tỉ trọng của chăn nuôi cao dần lên, cho đến lúc giá trị sản lượng của chăn nuôi cao hơn giá trị sản lượng của trồng trọt, trong lúc giá trị sản lượng của trồng trọt vẫn tăng» (2).

Trong cuộc vận động «Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, và cải tiến một bước quản lí nông nghiệp từ cơ sở theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa», để đưa ngành nuôi cá nước ngọt của miền Bắc nước ta tiến lên một bước mới, theo chúng tôi phải giải quyết mấy vấn đề sau đây:

1 — Phải quán triệt quan điểm: «nuôi cá nước ngọt là một nghề chăn nuôi rất «Việt-nam», «rất phù hợp với điều kiện kinh tế, kĩ thuật và cơ sở vật chất của miền Bắc nước ta, nhất là trong thời kì bước đi ban đầu».

a. Đúng như Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói: «Phải thấy một nguyên lí, một qui luật, một chủ trương: nói chung nơi nào có trồng trọt thì phải có chăn nuôi» (Tài liệu đã dẫn). Nguyên lí đó đặc biệt rất đúng trong nghề nuôi cá nước ngọt của ta, bởi vì hơn bất cứ một ngành nào khác, tư liệu sản xuất của nghề nuôi cá nước ngọt phân bố vừa trải rộng, lại vừa tập trung và hầu như bất cứ nơi nào trên miền Bắc nước ta cũng đều có thể nuôi được cá. Vì thế Nghị quyết 19 của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã nói «Cần phát triển ngành nuôi cá ở khắp các địa phương». Phương ngôn ta có câu «*cơm với cá như mẹ với con*»! Đó là hình ảnh tiêu biểu cho khả năng phong phú và truyền thống lâu đời trong nghề nuôi cá của nhân dân ta.

Để tiến hành sản xuất tập trung, chuyên canh, thâm canh... chúng ta đã có những khu vực nuôi cá nước ngọt mặt nước lớn rất rộng, như hồ Suối-hai (Hà-tây), hồ Cẩm-sơn (Hà-bắc), hồ Tây (Hà-nội), hồ chứa nước Thác-bà (Yên-bái), sông Ngụ (Hà-bắc), sông Cà-lồ

(Vĩnh-phú) v.v... với tổng diện tích lên tới 100 000 ha.

Để phát triển ngành nuôi cá một cách toàn diện, chúng ta còn có 380 000 ha mặt nước khác, bao gồm 100 000 ha ruộng trũng, 41 000 ha ao, đầm, và khoảng 210 000 ha sông lớn nhỏ ngoài đê chằng chịt trên khắp miền Bắc v.v... Vì thế, ngoài tổng số hai triệu hecta canh tác, phải kể tới khoảng năm mươi vạn hecta có thể nuôi thủy sản mà trước hết là nuôi cá. Tiềm lực đó của ngành nuôi cá nước ngọt là rất to lớn.

Cho nên đứng về mặt tư liệu sản xuất mà nói, ngành nuôi cá nước ngọt có một thuận lợi lớn là nước ta có rất nhiều ao, hồ, ruộng trũng, sông, ngòi... Theo Mác, đó là những tư liệu sản xuất đặc biệt ở chỗ nó vừa là công cụ lao động, lại vừa là đối tượng lao động, và sau mỗi chu kì sản xuất kinh doanh — nếu được khai thác hợp lí — thì giá trị sử dụng của nó không những không bị hao mòn đi mà ngược lại, lại được bồi dưỡng cho tốt hơn.

Do đó, ngành cá nước ngọt có đầy đủ khả năng để góp phần cùng với ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm, sớm đưa chăn nuôi lên thành một ngành sản xuất chính. Về vấn đề này, ngay từ Hội nghị tổng kết ngành nuôi cá nước ngọt toàn miền Bắc (1962), Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã chỉ thị: «Điều quan trọng nhất đối với nghề nuôi cá nước ngọt là: chúng ta phải thấy rõ vị trí, tầm quan trọng và khả năng to lớn của nghề này. Phải thấy nhân dân ta rất cần cá và cần nhiều thức ăn chế từ cá, nếu trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, phần đầu đưa giá trị của nghề nuôi cá bằng giá trị tổng sản lượng thóc là một điều rất tốt».

b. So với nhiều ngành chăn nuôi khác, ngành nuôi cá nước ngọt tốn ít vốn đầu tư hơn, chu kì sản xuất kinh doanh ngắn hơn, sức tái sản xuất tự nhiên nhanh hơn, thu lãi nhiều hơn, giá trị ngày càng cao hơn.

Ở miền Bắc nước ta, thủy sản nói chung và cá nói riêng có khả năng sinh sản mau chóng. Riêng cá, mỗi lần đẻ hàng nghìn hoặc hàng vạn trứng tùy theo loài, có nhiều loài đẻ nhiều lần trong một năm, chẳng hạn cá rô phi đẻ trung bình 8 đến 10 lần, ba tháng tuổi đã đẻ. Thời tiết miền Bắc nước ta lại rất thuận lợi cho sự phát triển của cá, tốc độ lớn trung bình của cá đạt từ 0,5 đến 2kg một năm. Đặc biệt, cá mè hoa và cá trắm cỏ, với điều kiện chỉ với thức ăn tự nhiên như hiện nay

(1), (2) Phạm Văn Đồng — Tài liệu đã dẫn.

của hồ Cẩm-sơn, hồ Thác-bà, thì trọng lượng trung bình của cá một tuổi đã đạt 8 kg, cá hai tuổi là 15—16 kg (cá giống lúc mới thả là 0,8—1,5 kg). Vì vậy, cần thấy rằng: tích cực phát triển nuôi thủy sản nói chung và nuôi cá nước ngọt nói riêng là một trong những hướng chủ yếu nhất để giải quyết mau chóng vấn đề thiếu đạm động vật trong khẩu phần ăn hằng ngày của nhân dân ta. Vì thế, ngay từ năm 1961, Nghị quyết 5 của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã nhấn mạnh: « Phải đẩy mạnh nghề nuôi cá để cung cấp phần lớn thực phẩm, nhằm cải thiện đời sống nhân dân ». Chúng ta cần nhận thức sâu sắc khả năng to lớn của ngành nuôi thủy sản để đầu tư lãnh đạo, chỉ đạo vốn, kĩ thuật, vật tư cho ngành này.

c. So với các ngành chăn nuôi khác, để sản xuất ra một số lượng thịt cá tương đương thì tỉ lệ vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản của ngành nuôi cá nước ngọt nói chung ít hơn tối thiểu là hai lần. Do đó, nó là một ngành chăn nuôi rất phù hợp với một nước như nước ta, đặc biệt trong giai đoạn bước đi ban đầu.

Trong bước đi ban đầu này, chúng ta có hai nhiệm vụ kinh tế cơ bản là tích lũy vốn cho công nghiệp hóa và cải thiện đời sống của nhân dân.

Ngành nuôi cá nước ngọt ở ta có thể coi là một ngành có giá trị ngày càng cao nhất trong các ngành nghề của nông nghiệp hiện nay. Giá trị ngày công bình quân của các tổ, đội nuôi cá toàn miền Bắc là khoảng 2 đồng, trong đó tổ, đội cao nhất lên tới 10 đ và 20 đ. Nhờ nuôi cá, hợp tác xã Thụy-dương (Thái-bình) đã có tổng thu nhập về cá năm 1974 ước tính lên tới 10 vạn đồng, bằng 24% tổng thu nhập của cả hợp tác xã. Trong cơ sở liên doanh nuôi cá của hợp tác xã Vũ-di (Vĩnh-phú), trong 7 năm liên nhờ nuôi cá tốt đã thu được 500 000 đồng. Riêng năm 1974, Vũ-di đã sản xuất 26 tấn cá thịt, 24 triệu cá bột, thu 135 000 đồng. Giá trị ngày công của nghề nuôi cá nước ngọt ở Vũ-di lên tới 20 đồng.

Mặt khác, trong khu vực kinh tế quốc doanh, các công ti nuôi cá nước ngọt cũng là những đơn vị kinh doanh có lãi nhất.

Quốc doanh nuôi cá Hà-nội với một diện tích 547 ha nuôi tương đối ổn định, hằng năm đã nộp lãi cho Nhà nước hàng chục vạn đồng, riêng năm 1974 đã nộp lãi 340 000 đồng. Các hồ chứa nước với diện tích rộng, việc quản lí nuôi và khai thác cá có nhiều khó khăn, tuy vậy ngay trong những năm đầu cũng đã có lãi: quốc doanh nuôi cá Cẩm-sơn với diện tích 2 600 ha, năm 1973 đã nộp lãi 6 379 đồng,

và đến hết tháng 9 năm 1974 đã nộp lãi 54 543 đồng; với diện tích 24 000 ha, quốc doanh nuôi cá Thác-bà trong năm 1974 đã nộp lãi 220 748 đồng với giá trị ngày công là 3,8 đồng. Phải chăng đó là những điển hình nói lên khả năng dồi dào của nghề nuôi cá nước ngọt? Rõ ràng, vừa qua, trong điều kiện sản xuất thủ công, ngành nuôi cá nước ngọt vẫn tạo ra được những năng suất khá cao: bình quân năng suất cá ao trên một số tỉnh là 2 tấn/ha, riêng một số điển hình đã đạt 7 tấn/ha (nông trường An-khánh), 6 tấn/ha (hợp tác xã Phương-liệt, Hà-nội), 20 tấn/ha trong ao nhỏ nuôi cá nước chảy và 15 kg/m² trong lồng nuôi cá (Sơn-la).

Điều đó chứng tỏ, phát triển mạnh mẽ nghề nuôi cá, quan tâm hơn nữa tới việc đầu tư cho nghề nuôi cá chính là đã thấu hiểu một trong hai đặc điểm rất cơ bản của nền nông nghiệp Việt-nam khi tiến lên chủ nghĩa xã hội: nước ta là một nước nhiệt đới có điều kiện tự nhiên rất thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp. Nhờ thế, nếu khéo lợi dụng, đất đai ở ta dễ cho năng suất tự nhiên rất cao.

Những ví dụ điển hình như trên, nói lên một vấn đề rất cơ bản: ngành nuôi cá nước ngọt rất có khả năng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Bởi vì hai chỉ tiêu cơ bản nhất để phân biệt một nền sản xuất nhỏ tự cấp, tự túc với một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là ở chỗ « năng suất lao động cao » và « sản phẩm hàng hóa nhiều ». Một loạt hợp tác xã như Thụy-dương (Thái-bình), Vũ-di (Vĩnh-phú), Đồng-tháp (Hà-nội)... hằng năm bán cho Nhà nước từ 17 đến 30 tấn cá thịt, tương đương với gần 1 000 con lợn, mỗi con có trọng lượng hơi xuất chuồng là 45 kg. Riêng quốc doanh nuôi cá Hà-nội năm 1974 đã giao nộp cho Nhà nước 598 tấn cá thịt với năng suất lao động bình quân trên đầu người là 4,19 đồng. Điều đó chẳng phải là những ví dụ chứng minh rõ rệt cho tiềm lực mạnh mẽ của nghề nuôi cá nước ngọt hay sao?

2. Phải làm gì để tổ chức lại sản xuất trong ngành nuôi cá nước ngọt? Phải làm gì để chỉ trong vài ba năm tới đưa sản lượng của ngành cá nước ngọt từ 5 vạn tấn/năm lên 20 vạn tấn/năm.

Theo chúng tôi, phải làm mấy việc sau đây:

Thứ nhất, phải tổ chức lại sản xuất từ cơ sở, chủ yếu là ở hợp tác xã. Tổ chức lại sản xuất ở hợp tác xã trước hết phải làm mấy việc chính:

a) Phải xây dựng đội nuôi cá vững mạnh, đưa đội nuôi cá thành một đội sản xuất chuyên

trách, ổn định trong các hợp tác xã có nhiều diện tích và có khả năng nuôi cá, khai thác cá.

Hiện nay, các hợp tác xã nông nghiệp đều đã có những đội sản xuất cố định. Ổn định hơn cả là những đội trồng trọt, đội chăn nuôi gia súc và các đội ngành nghề khác. Nhưng đội nuôi cá nước ngọt thì còn rất nhiều hợp tác xã chưa có hoặc chưa ổn định. Một số hợp tác xã mới chỉ có tổ nuôi cá gồm vài ba người, tổ chức lỏng lẻo. Hiện nay tổng số lao động nông nghiệp dành cho nghề nuôi cá nước ngọt mới chỉ có khoảng trên 1%. Lãnh đạo hợp tác xã được phân công phụ trách nghề nuôi cá còn rất hiếm. Các phương pháp khoa học để quản lý lao động trong nghề nuôi cá, như định mức lao động, định tiêu chuẩn tính công còn ít được áp dụng. Việc hướng dẫn của Nhà nước về phương diện này, như đưa ra các định mức mẫu, đưa ra các bảng xếp bậc công việc chuẩn... chưa tiến hành. Điều đó hạn chế rất nhiều đến việc phân công lại lao động trong nông nghiệp.

b) Phải nắm lại tư liệu sản xuất chủ yếu nhất của nghề nuôi cá, cụ thể là phải nắm lại thật chắc những loại «đất chìm»: ao, hồ, đầm, ruộng, kênh, mương, sông, ngòi. Phải qui định rõ ao từ bao nhiêu sào trở lên liền khoảnh, có khả năng cải tạo thành ao lớn thì thuộc diện hợp tác xã quản lý, và ao từ bao nhiêu sào trở xuống, ở phân tán trong xóm thì giao cho gia đình xã viên sử dụng và liệt vào «kinh tế phụ gia đình». Hiện nay tổng số diện tích nuôi cá đã đưa vào sản xuất mới chiếm trên 30% diện tích có khả năng khai thác; trong đó riêng các ao, hồ, đầm, mới chỉ quản lý nuôi cá được 16%; ruộng trũng có thể nuôi cá mới chỉ khai thác được 22% khả năng hiện có. Việc quản lý ao, hồ, đầm ở các hợp tác xã hiện nay rất lỏng lẻo, rất lãng phí. Nhiều nơi, có «quản» mà không có «dùng». Việc cải tạo mặt bằng, cải tạo ao, hồ theo hướng «sâu ao, cao bờ, nước cá, cá lớn» rất ít được chú ý. Đa số huyện và xã còn thiếu qui hoạch chung để nuôi cá, còn để ao, hồ không vét bùn trong nhiều năm, không bỏ bớt bờ nhỏ tạo thành ao lớn, không đào sâu thêm để tăng khối lượng nước và do đó tăng sản lượng cá, chưa chú ý giải quyết vấn đề thức ăn cho cá và phân bón cho ao cá.

Mặt khác, ở huyện, tỉnh và trung ương, tổ chức ngành nuôi cá vẫn chưa được ổn định, chưa được tăng cường và chưa được củng cố thành một hệ thống nhất. Hiện nay có tỉnh có cục thủy sản như Hà-tây, có tỉnh lại có phòng chỉ đạo phong trào và công ti kinh doanh, có tỉnh lại chỉ có công ti, làm cả hai nhiệm vụ

đó (như Thanh-hóa)¹; ở nhiều tỉnh, thành phố, cán bộ chỉ đạo phong trào quá ít (Hà-nội có hai cán bộ phong trào nằm trong phòng chăn nuôi v.v...). Đối với các hợp tác xã có khả năng sản xuất ra nhiều cá thịt thì huyện thường không giao chỉ tiêu kế hoạch, hoặc có giao thì nặng về thu mua sản phẩm mà không có biện pháp giúp đỡ cụ thể, không kí hợp đồng hai chiều. Cục Cá nước ngọt ở trung ương cũng chưa được nắm vật tư chuyên dùng cần thiết cho ngành mình. Phương hướng và biện pháp nuôi cá ở nhiều cấp và ở nhiều địa phương không có hoặc không rõ ràng, thiếu sự giúp đỡ tích cực và sự phối hợp chặt chẽ của các ngành hữu quan; trong các báo cáo thống kê thường kì và cả năm, mục nuôi cá nước ngọt và khai thác cá sông không có hoặc chỉ có vài ba dòng, đôi khi chỉ có một vài chữ chiều lệ.

Những nguyên nhân trên dẫn tới tình trạng ao, hồ, ruộng trũng, sông ngòi, kênh mương bỏ hoang, không quản lý, không nuôi cá còn nhiều, sự chỉ đạo của ngành nuôi cá bị hạn chế tác dụng, thiếu hiệu lực. Tổ chức sản xuất và quản lý, bảo vệ cá nuôi và nguồn lợi thủy sản khác còn gặp nhiều khó khăn.

Thứ hai, phải tích cực đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất — kĩ thuật, đưa nhanh ngành nuôi cá nước ngọt tiến lên theo hướng chuyên canh, thâm canh, sản xuất tập trung, qui mô lớn, sản phẩm hàng hóa nhiều.

Trong hàng chục năm qua, thiếu sót lớn của ngành nuôi cá nước ngọt là chưa tích cực đề xuất kiến, đề xuất các phương án đầu tư. Nhưng mặt khác, các ngành có trách nhiệm vẫn còn rất coi nhẹ việc trang bị cơ sở vật chất kĩ thuật cho ngành nuôi cá nước ngọt. Do đó, vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong 10 năm của ngành nuôi cá nước ngọt không bằng kinh phí bù lỗ một năm cho một số ngành chăn nuôi khác. Ngay các cơ sở nuôi cá mặt nước lớn thuộc khu vực quốc doanh như hồ Suối-hai, hồ Cẩm-sơn, hồ Thạch-bà, hồ Tây, sông Cà-lô v.v... thì cơ sở vật chất kĩ thuật cũng còn ít và chưa đồng bộ. Đặc biệt là khâu đánh bắt còn rất thủ công, thiếu thuyền, lưới, phao và phương tiện để bảo vệ, do đó rất hạn chế kết quả thu hoạch cá. Bên cạnh đó tại cơ sở chế biến, dự trữ cá, làm tăng sản phẩm hàng hóa của ngành cá nước ngọt cho đến nay vẫn hầu như chưa có gì. «Sản xuất, chế biến phải gắn liền với nhau, không được tách rời nhau, càng không được đối chọi nhau. Không thể có sản xuất lớn nếu người làm sản xuất và người làm chế

biển không biết nhau» (1). Tình trạng sản xuất nhỏ ấy hiện nay vẫn còn rất phổ biến trong ngành cá nước ngọt.

Thứ ba, phải đưa nhanh những tiến bộ kĩ thuật vào nghề nuôi cá nước ngọt, trên cơ sở phải nắm chặt và sử dụng tốt lực lượng kĩ sư và cán bộ kĩ thuật nuôi thủy sản.

Trong 20 năm qua, những kết luận khoa học kĩ thuật của ngành nuôi cá nước ngọt đã khá nhiều. Thành công nổi bật là: toàn ngành đã hoàn chỉnh được qui trình cho cá đẻ nhân tạo; đã hoàn chỉnh qui trình và tiêu chuẩn kĩ thuật cho 5 con cá nước ngọt phổ biến: rô phi, trắm cỏ, mè trắng, mè hoa, chép; đã nghiên cứu thành công qui trình nuôi cá trê xuất khẩu có ý nghĩa kinh tế cao; đã nhập nội và thuần hóa có kết quả cá rô phi và cá mè, trắm cỏ Trung-quốc; đã tiến hành thành công kĩ thuật thụ tinh khô; đã lai kinh tế cá có kết quả; đã thực nghiệm tốt kĩ thuật nuôi cá nước chảy, đã tự sản xuất được thuốc kích dục tố Prolan B, v.v...

Đúng như đồng chí Lê Duẩn đã chỉ rõ: « Những kết luận khoa học đó không còn là lí thuyết trừu tượng nữa, không còn là thí nghiệm trong phòng nghiên cứu nữa, mà có thể áp dụng vào trong sản xuất một cách phổ biến, miễn là chúng ta có tổ chức đúng, có chế độ quản lí chặt chẽ, có kỉ luật sản xuất nghiêm ngặt » (2).

Vì vậy theo ý kiến chúng tôi, trong cuộc vận động tổ chức lại sản xuất nông nghiệp kì này, vấn đề là phải dồn mọi cố gắng để áp dụng cho được (và phải kiên quyết áp dụng cho được) những qui định kĩ thuật đã có. Mặt khác, chúng tôi nghĩ, đã đến lúc các cơ quan có trách nhiệm của Nhà nước cần tích cực phối hợp và giúp đỡ Cục Cá nước ngọt sớm có những chính sách, chế độ, những qui chế về quản lí kĩ thuật, những qui trình và tiêu chuẩn kĩ thuật cho ngành nuôi cá nước ngọt.

Để đưa khoa học, kĩ thuật vào sản xuất của ngành cá nước ngọt được tốt, thời gian tới chúng tôi sẽ kiên quyết đưa một bộ phận cán

bộ khoa học, kĩ thuật thủy sản về cơ sở, sẽ phân bổ thêm cho mỗi huyện một số cán bộ kĩ thuật để giúp đảng bộ và chính quyền địa phương chỉ đạo sản xuất.

Tóm lại, nuôi cá là một ngành có nhiều khả năng tiềm tàng to lớn, đầu tư tương đối ít, có năng suất cao, có điều kiện mau chóng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Muốn thế, cần phải thấy rõ được vị trí và tầm quan trọng của ngành nuôi cá trong nền kinh tế quốc dân; cần có qui hoạch và kế hoạch sử dụng tốt các loại vùng nước, tránh tình trạng bỏ hoang hoặc thả cá nuôi sơ sài; cần giải quyết vấn đề thức ăn cho cá trên cơ sở dựa vào cái thể chân vạc: « Cá — lúa — chăn nuôi gia súc gia cầm » hỗ trợ nhau cùng phát triển; xây dựng các cơ sở sản xuất cá giống chủ động; củng cố tổ chức nuôi cá từ trung ương đến tỉnh, huyện và hợp tác xã thành một hệ thống chặt chẽ, có hiệu lực; sử dụng tốt cán bộ khoa học, kĩ thuật và công nhân lành nghề; có những chính sách cần thiết đối với nghề nuôi cá và đánh cá sông, nhất là chính sách bảo vệ nguồn lợi thủy sản nội địa; kiên quyết áp dụng những tiến bộ kĩ thuật vào sản xuất; phát động một phong trào thi đua mạnh mẽ: « Hợp tác xã, quốc doanh, cơ quan, nhà trường, xí nghiệp, doanh trại quân đội cùng nuôi cá », và cố gắng duy trì phong trào này.

Nhìn lại chặng đường 30 năm qua, ngành nuôi cá đã thấy rõ những thiếu sót và tồn tại của ngành mình, đang ra sức khắc phục. Với sự phối hợp chặt chẽ của những ngành hữu quan, với sự nỗ lực của cán bộ, công nhân trong ngành, dưới ánh sáng của Nghị quyết 19, 20 và 22 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, ngành nuôi cá nước ngọt phải « từng bước vững chắc tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ». Đó là khẩu hiệu hành động của toàn ngành trong thời gian tới.

(1) Phạm Văn Đồng — Tài liệu đã dẫn.

(2) Lê Duẩn — Tài liệu đã dẫn.